| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẦU NGANG**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST**
**Ngày: 27 - 02 - 2020**
**"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"**

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Mai Thanh Chúc
2. Ông Nguyễn Bỉnh Khiêm

*Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1972 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- ***Bị đơn***: Trần Văn P, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Chổ ở hiện nay: Ấp R, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2019, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2000 chị T và anh Trần Văn P quen biết, tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, đến năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh P thường uống rượu với bạn bè, không lo gia đình do đó

vợ chồng thường xuyên cải vả, chị T nhiều lần khuyên để anh P sửa đổi tính tình lo cho gia đình nhưng anh P không sửa đổi mà anh P đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 10/2019 đến nay. Nay chị T thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn P.

- Về con chung tên: Trần Hoài N, sinh ngày 25/9/2002 và Trần Thị Như Y, sinh ngày 18/10/2012, chị T đang chăm sóc, nuôi dưỡng nên yêu cầu tiếp tục nuôi các con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị T không có yêu cầu nào khác.

*Bị đơn Trần Văn P vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết anh P có lời khai như sau:*

- Về hôn nhân: Anh và chị T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống giữa anh và chị T có bất đồng quan điểm nên xảy ra mâu thuẫn cải vả qua lại với nhau, không hòa thuận được nên anh P đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 10/2019 đến nay. Sau khi sống riêng anh và chị T không tìm cách hàn gắn lại. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung tên: Trần Hoài N, sinh ngày 25/9/2002 và Trần Thị Như Y, sinh ngày 18/10/2012, do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên anh P đồng ý để chị T tiếp tục nuôi các con, anh không tranh chấp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Anh P đồng ý không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Anh P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

**Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự và xét thấy việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa đúng.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh P. Về con chung tên Trần Hoài N, sinh ngày 25/9/2002 và Trần Thị Như Y, sinh ngày 18/10/2012, đều có nguyện vọng được sống chung với chị T nên đề nghị giao chị T được quyền nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung các đương sự không tranh chấp nên không đề nghị xem xét; Về án phí hôn nhân sơ thẩm, đề nghị buộc chị T phải nộp theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án huyện Cầu Ngang nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng**: Xét thấy anh Trần Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

**[2] Về quan hệ pháp luật**: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con đối với anh Trần Văn P; địa chỉ tại ấp Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chổ ở hiện nay ở R, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên xác định quan hệ tranh chấp là "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

**[3] Về hôn nhân**: Xét thấy giữa chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Văn P chung sống có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị T và anh P là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị T và anh P có bất đồng quan điểm, anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Xét thấy, sau khi chị T và anh P không còn chung sống với nhau thì mỗi người có cuộc sống riêng, không bên nào tìm cách hòa giải hàn gắn lại, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị T và anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và anh P đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh P ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T.

**[4] Về quyền nuôi con**: Chị T và anh P xác định có con chung tên Trần Hoài N, sinh ngày 25/9/2002 và Trần Thị Như Y, sinh ngày 18/10/2012.

Xét thấy, quá trình giải quyết Hoài N và Như Y đều có nguyện vọng sống chung với chị Nguyễn Thị Bích T và trong thời gian nuôi các con thì chị T đảm bảo cuộc sống của các con ổn định về vật chất, tinh thần. Anh P không tranh chấp về việc nuôi con. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung tên Trần Hoài N và Trần Thị Như Y cho chị T được quyền

trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của các con và phù hợp với quy định của pháp luật.

**[5] Về cấp dưỡng nuôi con**: Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**[6] Về tài sản chung của vợ chồng**: Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị T và anh P không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**[7] Về số nợ phải thu, phải trả**: Chị T và anh P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm**: Buộc chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 05 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T.

**- Về hôn nhân**: Cho chị Nguyễn Thị Bích T ly hôn với anh Trần Văn P.

**- Về quyền nuôi con**: Giao chị Nguyễn Thị Bích T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Hoài N, sinh ngày 25/9/2002 và Trần Thị Như Y, sinh ngày 18/10/2012.

Anh Trần Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**- Về án phí hôn nhân sơ thẩm**: Chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005605 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị T đã nộp đủ.

**- Về quyền kháng cáo**: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim Thoa**